

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI
VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME
COMMERCIAL JOINT STOCK
BANK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 250 /2023/CV-TGD5

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2023
Hanoi, day month year 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam/ *Vietnam
Maritime Commercial Joint Stock Bank*
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: MSB
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang
Thuong Ward, Dong Da district, Hanoi, Vietnam*
 - Điện thoại/ *Telephone*: 024-37718989
 - Fax: 024-37718899
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Hoàng Linh
Chức vụ/ *Position*: Tổng Giám đốc/ *Chief Executive Officer*
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Công bố Điều lệ Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt nam sửa đổi theo vốn điều
lệ 20,000 tỷ/*Information disclosure Amended Charter of Vietnam Maritime Commercial
Joint Stock Bank according to charter capital of VND 20,000 billion.*

**Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân
thay đổi hoặc thay thế.**

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 11 / 01 / 2023 tại đường dẫn : <https://www.msb.com.vn/nha-dau-tu>

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 11 / 01 /2023. Available at: <https://www.msb.com.vn/nha-dau-tu>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

Điều lệ/Charter

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information



**TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HOÀNG LINH**



Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

ĐIỀU LỆ

NĂM 2023

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (MSB) là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của MSB được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này đã được thông qua tại phiên họp thường niên lần thứ 30 của Đại hội đồng Cổ đông MSB, tổ chức vào ngày 25/04/2022 tại Hà Nội, bao gồm 21 Chương, 88 Điều và thay thế Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông MSB thông qua tại phiên họp thứ 29 ngày 24/03/2021. Văn điều lệ tại Điều lệ này đã được cập nhật theo Quyết định số 45/QĐ-NHNN ngày 09/01/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

1. “**MSB**” có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam.
2. “**Thời hạn hoạt động**” có nghĩa là thời gian MSB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. MSB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.
3. “**Vốn điều lệ**” là vốn đã được các Cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ MSB¹.
4. “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của MSB².
5. “**Cổ đông sáng lập**” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của MSB³.
6. “**Cổ đông lớn**” là Cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MSB⁴.
7. “**Sổ đăng ký Cổ đông**” là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật⁵.
8. “**Cổ phần**” là Vốn điều lệ của MSB được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng.
9. “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ do MSB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu

¹ Điểm a, Khoản 1, Điều 29 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN về Cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của Ngân hàng thương mại, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là Thông tư 40/2011/TT-NHNN)

² Khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 (sau đây gọi tắt là Luật DN 2020)

³ Khoản 4 Điều 4 Luật DN 2020

⁴ Khoản 26 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2010 đã được sửa đổi bổ sung (sau đây gọi tắt là Luật CTCTD 2010)

⁵ Khoản 1 Điều 122 Luật DN 2020.

một hoặc một số cổ phần của MSB. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật⁶.

10. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.⁷
11. “Công ty con” của MSB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây⁸:
 - a) MSB hoặc MSB và người có liên quan của MSB sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
 - b) MSB có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
 - c) MSB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;
 - d) MSB và người có liên quan của MSB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
12. “Công ty liên kết” của MSB là công ty trong đó MSB hoặc MSB và người có liên quan của MSB sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của MSB⁹.
13. “Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập” là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện.
14. “Chữ ký”: là các loại chữ ký được phép sử dụng theo quy định của pháp luật, bao gồm cả chữ ký điện tử, chữ ký số.
15. “Người quản lý MSB” bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
16. “Người điều hành MSB” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương (nếu có).
17. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân đó thuộc một trong các trường hợp sau đây¹⁰:
 - a) Người có liên quan của một tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng) gồm các trường hợp sau đây:
 - i. Công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng là công ty mẹ (sau đây gọi là tổ chức tín dụng mẹ) của tổ chức đó;
 - ii. Công ty con của tổ chức đó;
 - iii. Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng tổ chức tín dụng mẹ của tổ chức đó;
 - iv. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng mẹ của tổ chức đó;

⁶ Khoản 1 Điều 121 Luật DN 2020

⁷ Khoản 5 Điều 4 Luật DN 2020

⁸ Khoản 30 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng 2010

⁹ Khoản 29 Điều 4 Luật CTCTC 2010

¹⁰ Kết hợp giữa Luật các TCTD 2010 và Khoản 14 Điều 3 Thông tư số 22/2019/TT-NHNN Quy định các giới hạn và tỷ lệ an toàn trong hoạt động của TCTD, Chi nhánh NHNN (sau đây gọi tắt là TT 22/2019/TT-NHNN)

- v. Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ của tổ chức đó;
 - vi. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức đó;
 - vii. Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức đó;
 - viii. Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức đó;
 - ix. Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại tổ chức đó;
 - x. Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho tổ chức đó;
 - xi. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà tổ chức đó sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;
 - xii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà tổ chức đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty, tổ chức tín dụng;
 - xiii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà tổ chức đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty mẹ của công ty hoặc tổ chức tín dụng này;
- b) Người có liên quan của một cá nhân gồm các trường hợp sau đây:
- i. Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể); bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của cá nhân đó;
 - ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cá nhân đó sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;
 - iii. Công ty con mà cá nhân đó là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ;
 - iv. Công ty con mà cá nhân đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ;
 - v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cá nhân đó là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát;
 - vi. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cá nhân đó là vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó;
 - vii. Tổ chức, cá nhân ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho cá nhân đó;
 - viii. Cá nhân cùng với cá nhân đó được một tổ chức ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần tại một tổ chức khác;
 - ix. Cá nhân được cá nhân đó ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần.

- c) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể¹¹.
18. “**Tổ chức lại**” là việc tổ chức tín dụng bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý.
 19. “**NHNN**” là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 20. “**TCTD**” là chữ viết tắt của Tổ chức tín dụng.
 21. “**Pháp luật**” có nghĩa là hiến pháp, các luật, pháp lệnh, lệnh, nghị định, nghị quyết, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ.
 22. “**Luật Các tổ chức tín dụng**” có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16-06-2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20-11-2017 (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).
 23. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17-06-2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH 15 ngày 11/01/2022 (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).
 24. “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26-11-2019 (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).
 25. “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0001/NH-GP ngày 08/6/1991 do NHNN cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần đăng ký lần đầu ngày 01/07/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam;
2. Tên đầy đủ là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam;
 - a) Tên viết tắt bằng tiếng Việt là Ngân hàng Hàng Hải hoặc NHHH.
 - b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank.

¹¹ Điểm g Khoản 28 Điều 4 Luật CTCTD

- c) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: MSB.
3. Trụ sở chính: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- a) Điện thoại : 024 - 37718989.
- b) Fax : 024 - 37718899.
- c) Email : msb@msb.com.vn
- d) Website : www.msb.com.vn
4. Người đại diện của MSB¹² bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền:
- a) Người đại diện theo pháp luật¹³ của MSB là Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của MSB phải cư trú tại Việt Nam. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam, Người đại diện theo pháp luật phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của MSB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian vắng mặt. Người đại diện theo pháp luật của MSB có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
- b) Người đại diện theo ủy quyền của MSB do Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cấp có thẩm quyền khác của MSB chỉ định bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và của MSB tại từng thời kỳ. Người đại diện theo ủy quyền của MSB có các quyền và nghĩa vụ nêu cụ thể tại văn bản ủy quyền của MSB. Trường hợp không xác định được cụ thể phạm vi đại diện của Người đại diện theo ủy quyền thì Người đại diện theo pháp luật có quyền xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự vì lợi ích của người được đại diện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác¹⁴.
5. Danh sách Cổ đông sáng lập:
- a) Công ty Vận tải biển Việt Nam: Số 215 Trần Quốc Toản, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- b) Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- c) Tập đoàn Bảo Việt: Số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- d) Cảng Hải Phòng: Số 4, đường Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- e) Cục Hàng không Dân dụng: Số 119 Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
6. Các Chi nhánh: Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về các Chi nhánh, Phòng Giao dịch được đăng tải và cập nhật thường xuyên trên website của MSB, các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quyết định của NHNN ban hành sau thời điểm Điều lệ này được thông qua.
7. Vốn điều lệ của MSB là: 20.000.000.000.000 đồng¹⁵, bằng chữ: Hai mươi nghìn tỷ đồng chẵn. Tổng số vốn điều lệ của MSB được chia thành: 2.000.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

¹² Điều 85 Bộ luật Dân sự 2015

¹³ Điều 12 Luật DN 2020

¹⁴ Điều 141 Bộ luật Dân sự

¹⁵ Vốn điều lệ tại Điều lệ này được cập nhật theo Quyết định số 45/QĐ-NHNN ngày 09/01/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam.

8. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
9. Bảng cân đối kế toán và các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. MSB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của MSB là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng... được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy phép nghiệp vụ cụ thể tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng theo đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra.
2. Mục tiêu của MSB là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam với chất lượng dịch vụ hoàn hảo dựa trên hệ thống công nghệ hiện đại, lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn cao, phương châm kinh doanh bền vững, an toàn và hiệu quả.

Điều 5. Nội dung hoạt động¹⁶

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - e) Bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế.
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5. Mở tài khoản:
 - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

¹⁶ Luật CTCTD và Phụ lục 01a Thông tư số 28/2021-TT-NHNN ngày 31/12/2021 của NHNN V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư 40/2011/TT-NHNN).

6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam¹⁷.
17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
18. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.
19. Lưu ký chứng khoán.
20. Kinh doanh vàng miếng.
21. Ví điện tử sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
24. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
25. Ngân hàng giám sát theo quy định của pháp luật về chứng khoán sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
26. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật sau khi được Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền khác chấp thuận (nếu có).

¹⁷ Bao gồm nhưng không giới hạn hoạt động đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước theo quy định tại Thông tư số 28/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011.

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn¹⁸

1. MSB chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 7 Điều này và tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động góp vốn, mua cổ phần.
2. MSB phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. MSB được thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. MSB được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.
5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của MSB theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.
6. Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của MSB thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. MSB, công ty con của MSB được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.
8. Trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Điều lệ này, Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị của MSB quyết định hoặc Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc MSB quyết định việc góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu tại Điều này theo quy định của pháp luật¹⁹.
9. MSB không được mua cổ phần, góp vốn của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là Cổ đông, thành viên góp vốn của MSB²⁰.
10. Việc chuyển nhượng và phương án chuyển nhượng phần vốn góp của MSB theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, MSB phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "Có" và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

¹⁸ Điều 103 Luật CTCTD 2010 và Điều 7 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD

¹⁹ Khoản 7 Điều 34 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD

²⁰ Khoản 5 Điều 129 Luật CTCTD 2010

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 8. Vốn điều lệ của MSB²¹

1. Vốn điều lệ là vốn đã được các Cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ này của MSB.
2. Vốn điều lệ của MSB có thể được tăng từ các nguồn sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng; phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - d) Vốn do chủ sở hữu cấp thêm;
 - e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ của MSB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
4. Trong quá trình hoạt động, MSB phải đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, MSB phải công bố công khai số vốn điều lệ mới²².

Điều 9. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ của MSB phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Văn bản chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ của MSB có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.²³
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.

Điều 10. Bảo đảm an toàn vốn²⁴

1. MSB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
 - a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;
 - c) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;
 - d) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - e) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;
 - f) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.
2. Khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia, MSB phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của MSB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của MSB dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.

²¹ Khoản 1, Điều 29 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN

²² Điều 5 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD

²³ Điều 11, Điều 12 Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018

²⁴ Điều 130 Luật CTCTD 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung 2017

CHƯƠNG V

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU

Điều 11. Các loại cổ phần²⁵

1. MSB có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.
2. MSB có thể có cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật.
3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
4. MSB luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của MSB theo quy định của pháp luật²⁶.

Điều 12. Tỷ lệ sở hữu cổ phần²⁷

1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của MSB.
2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của MSB, trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại MSB được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của MSB tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng;
 - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% vốn điều lệ của MSB, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều này.

Điều 13. Cổ phiếu²⁸

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do MSB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của MSB.
2. Nội dung cổ phiếu do MSB phát hành (nếu có) và các trường hợp xử lý sai sót, sự có liên quan đến cổ phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Chào bán cổ phần²⁹

1. Chào bán cổ phần là việc MSB tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

²⁵ Điều 52 Luật CTCTD 2010

²⁶ Nghị định số 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD

²⁷ Điều 55 Luật CTCTD 2010

²⁸ Điều 121 Luật DN 2020

²⁹ Điều 123 Luật DN 2020

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
 - b) Chào bán ra công chúng;
 - c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Việc chào bán cổ phần được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
 4. MSB thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
 5. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán.

Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần³⁰

1. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MSB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Trường hợp chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành Cổ đông thường và ngược lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi thực hiện³¹.

Điều 16. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông³²

1. Cổ đông biểu quyết phân đôi quyết định về việc tổ chức lại MSB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ MSB có quyền yêu cầu MSB mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu MSB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến MSB trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. MSB phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá do Hội đồng Quản trị quyết định trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. MSB giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 17. Mua lại cổ phần theo quyết định của MSB³³

³⁰ Điều 56 Luật CTCTD 2010

³¹ Điểm đ, khoản 1, Điều 29 Luật CTCTD 2010

³² Điều 132 Luật DN 2020

MSB có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Đại hội đồng Cổ đông có quyền quyết định mua lại.
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu MSB và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. MSB có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong MSB. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của MSB phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của MSB, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho MSB.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được MSB trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. MSB chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 18. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại³⁴

1. Ngoài các hạn chế khác đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, MSB chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của MSB thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với MSB.

Điều 19. Phát hành trái phiếu³⁵

MSB có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB.

CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của MSB bao gồm:
 - a) Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Hội đồng Quản trị;

³³ Điều 133 Luật DN 2020

³⁴ Điều 134 Luật DN 2020; Điều 57 Luật CTCTD 2010

³⁵ Luật CK 2019;

- c) Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc;
 - e) Bộ máy giúp việc.
2. Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc phải quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của MSB trong từng thời kỳ.
 3. MSB phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.
 4. Việc quản trị MSB phải tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và các nguyên tắc sau đây:
 - a) Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
 - b) Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với MSB và Cổ đông;
 - c) Bảo đảm quyền của Cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các Cổ đông;
 - d) Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị MSB;
 - e) Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị MSB;
 - f) Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của MSB; bảo đảm Cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

CHƯƠNG VII

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông³⁶

1. MSB phải lập và lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký Cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của MSB;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong Sổ đăng ký Cổ đông.

³⁶ Điều 122 và Điều 135 Luật DN 2020;

4. Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với MSB để cập nhật vào Sổ đăng ký Cổ đông. MSB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ đông.
5. MSB phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.
6. Xác lập danh sách Cổ đông:
 - a) MSB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông và phải đảm bảo Cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với MSB trước thời điểm nói trên;
 - b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của Cổ đông.

Điều 22. Quyền của Cổ đông³⁷

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:³⁸
 - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong MSB;
 - d) Được chuyển nhượng cổ phần cho Cổ đông khác của MSB hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại cổ phần cho MSB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của MSB, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - g) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại MSB khi MSB giải thể hoặc phá sản sau khi MSB đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - i) Quyền được đối xử công bằng, bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp MSB có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do MSB công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, gây thiệt hại cho MSB, Cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB;
 - l) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi

³⁷ Điều 115 Luật DN 2020; Điều 53 Luật CTCTD 2010;

³⁸ Điều 53 Luật CTCTD 2010

ích của MSB, của các Cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

m) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có thêm các quyền sau đây:

Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo tỷ lệ như sau:³⁹

- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.
- Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà cổ đông được quyền đề cử theo Điều lệ này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát đề cử. Thủ tục đề cử được thực hiện theo Điều 38 Điều lệ này và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ⁴⁰.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có thêm các quyền sau đây:

- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của MSB;
- b) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của MSB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của MSB; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (nếu có).

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít

³⁹ Điều 115 Luật DN 2020

⁴⁰ Điều 115 Luật DN 2020

nhất 06 tháng⁴¹ có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
5. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của MSB, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
6. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến MSB trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, mã số doanh nghiệp, số và ngày quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch của cổ đông;
 - b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông⁴².

Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông MSB⁴³

1. Cổ đông của MSB phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
 - a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - b) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do MSB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của MSB trong phạm vi số vốn đã góp vào MSB;
 - c) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi MSB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của MSB. Cổ đông có thể được MSB hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của MSB phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của MSB trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

⁴¹ Điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật CTCTD

⁴² Khoản 4 Điều 14 Luật DN 2020

⁴³ Điều 54 Luật CTCTD 2010; Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020

- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại MSB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của MSB; không được góp vốn, mua cổ phần của MSB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - e) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của MSB;
 - f) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - g) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh MSB dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với MSB.
 - h) Bảo mật các thông tin được MSB cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được MSB cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 - i) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp MSB phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần, MSB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này⁴⁴.

Điều 24. Đại hội đồng Cổ đông⁴⁵

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của MSB. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
2. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
3. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
4. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của MSB;
 - b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của MSB;
 - c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, quy chế quản trị nội bộ;
 - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị,

⁴⁴ Khoản 2 Điều 54 Luật CTCTD 2010

⁴⁵ Điều 138, 140 Luật DN 2020;

thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB;

- e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho MSB và Cổ đông của MSB;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của MSB;
 - h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của MSB;
 - l) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - m) Quyết định thành lập công ty con;
 - n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của MSB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa MSB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ; công ty con, công ty liên kết của MSB;
 - q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản MSB;
 - r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của MSB;
 - s) Thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xây dựng Quy chế Tài chính của MSB;⁴⁶
 - t) Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập; quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của MSB, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết⁴⁷;
 - u) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.
5. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 4 Điều này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.
6. Tất cả các quyết định và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra

⁴⁶ Điều 28 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP

⁴⁷ Điểm m Khoản 2 Điều 138 Luật DN 2020 và Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 39/2011/TT-NHNN

thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.

7. Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
8. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của MSB có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, MSB phải mời đại diện tổ chức kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan, đại diện tổ chức kiểm toán độc lập nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của MSB.

Điều 25. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁸

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này và triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của MSB;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ;
 - c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này;
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e) Theo yêu cầu của NHNN.⁴⁹
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn tối thiểu là 40 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với MSB.

3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với MSB.

4. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

⁴⁸ Khoản 1 Điều 59 Luật CTCTD 2010; Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020; Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018

⁴⁹ Điều 60 Luật CTCTD 2010

5. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này sẽ được MSB hoàn lại.

Điều 26. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁰

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.
2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất 20 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi, bao gồm cả gửi qua email của cổ đông hoặc chuyên đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của MSB đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MSB; tên, địa chỉ của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông, thời gian chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông và những nội dung khác.
5. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của MSB. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong không quá 10 ngày trước ngày mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 27. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông⁵¹

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến MSB chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại MSB, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

⁵⁰ Điều 141 Luật DN 2020

⁵¹ Điều 142 Luật DN 2020

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.
 5. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo quyết định cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 28. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông⁵²

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của MSB, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi MSB đóng trụ sở chính.

Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho MSB bằng văn bản về địa chỉ email, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới địa chỉ email đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong MSB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín và gửi trực tiếp tại nơi làm việc.

2. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi, bao gồm cả gửi bằng email của cổ đông hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của MSB, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MSB; tên, địa chỉ của Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
4. Kèm theo Thông báo mời họp phải có phiếu biểu quyết, chương trình họp, các tài liệu khác làm cơ sở thông qua quyết định, dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Trong trường hợp các tài liệu này không được gửi kèm Thông báo mời họp, MSB phải nêu rõ địa chỉ website để các Cổ đông có thể tiếp cận tài liệu.
5. Ngoài các phương thức trên, Thông báo mời họp có thể gửi đến cổ đông bằng các phương thức khác (bao gồm cả các phương thức điện tử khác) theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁵³

⁵² Điều 143 Luật DN 2020,

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

Điều 30. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁴

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba phải được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này. Việc thay đổi nội dung chương trình họp phải được trên 50% tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp đồng ý.

Điều 31. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁵

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông, MSB phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt trước giờ dự kiến khai mạc cuộc họp đăng ký hết.
2. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

⁵³ Điều 144 Luật DN 2020

⁵⁴ Điều 145 Luật DN 2020

⁵⁵ Điều 146 Luật DN 2020

3. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản cuộc họp.
4. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
6. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp, (b) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp hoặc (c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Chủ tọa của cuộc họp hoặc Thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp.
10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
 - a) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - b) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp đặc biệt (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...), cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với trực tuyến để tạo điều kiện cho các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền vẫn có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông. Cách thức tổ chức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với

trực tuyến do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và ghi rõ trong Thông báo mời họp.

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
- d) Điều kiện tiến hành;
- e) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
- f) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến hoặc kết hợp bỏ phiếu với bỏ phiếu trực tuyến;
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến hoặc kết hợp kiểm phiếu với kiểm phiếu trực tuyến;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông;
- j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 32. Thẻ thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.⁵⁶
2. Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, MSB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Thẻ biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành quyết định được đếm trước, số thẻ phản đối quyết định và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản đối hoặc không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, phản đối và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp.
4. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:⁵⁷
 - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, h, o và q khoản 4 Điều 24 Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;

⁵⁶ Điểm a khoản 3 Điều 59 Luật CTCTD 2010; Khoản 1 Điều 147 Luật DN 2020

⁵⁷ Điểm b, c khoản 3 Điều 59 Luật CTCTD 2010

- c) Đối với các vấn đề quy định tại các điểm a, d, f và q khoản 4 Điều 24 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
5. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 51% hoặc 65% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều này.
 6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí thể lệ bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
 7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
 8. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông và Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua⁵⁸. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đến Cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MSB.
 9. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành⁵⁹.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁶⁰

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của MSB, trừ các trường hợp quy định tại các điểm a, d, f và q khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của từng Cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MSB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là tổ chức; Họ, tên, địa chỉ liên

⁵⁸ Khoản 5 Điều 148 Luật DN 2020

⁵⁹ Khoản 6 Điều 148 Luật DN 2020

⁶⁰ Điều 149 Luật DN 2020; Điều 59 Luật Các TCTD 2010

lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về MSB Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSB.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về MSB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Trường hợp Phiếu lấy ý kiến gửi về MSB qua fax hoặc email hoặc các phương thức điện tử khác thì các Phiếu này phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các Phiếu lấy ý kiến gửi về MSB sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, email đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý, điều hành của MSB. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của MSB;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc được đăng tải trên website của MSB.
7. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành⁶¹.
8. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp

⁶¹ Khoản 4 Điều 148 Luật DN 2020

thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản⁶².

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời hoặc gửi qua email, fax hoặc các phương thức điện tử khác, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông⁶³

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của MSB và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của MSB;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp thì Biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp⁶⁴.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và biên bản tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị ký biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB.

Điều 35. Hiệu lực quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua

⁶² Khoản 6 Điều 148 Luật DN 2020

⁶³ Điều 150 Luật DN 2020

⁶⁴ Khoản 1 Điều 150 Luật DN 2020

hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết.⁶⁵

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi các Cổ đông sở hữu 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.⁶⁶
3. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.⁶⁷
4. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với quyết định đã được thông qua thì quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.⁶⁸

Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁶⁹

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Các trường hợp có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ MSB trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;
 - b) Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ MSB.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn chung

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị MSB, có toàn quyền nhân danh MSB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.⁷⁰
2. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB trong việc quản trị, điều hành MSB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.⁷¹
3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MSB, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB.⁷²

⁶⁵ Khoản 1 Điều 152 Luật DN 2020

⁶⁶ Khoản 2 Điều 152 Luật DN 2020

⁶⁷ Điều 61 Luật CTCTD 2010

⁶⁸ Khoản 3 Điều 152 Luật DN 2020

⁶⁹ Điều 151 Luật DN 2020

⁷⁰ Khoản 1 Điều 43 Luật CTCTD 2010

⁷¹ Khoản 1 Điều 45 Luật CTCTD 2010

⁷² Khoản 2 Điều 48 Luật CTCTD 2010

Điều 38. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc⁷³

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị MSB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu đề cử các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN chậm nhất là 30 ngày trước ngày tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này và công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, MSB phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của MSB để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của MSB nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích liên quan tới MSB và các bên có liên quan của MSB;
 - f) Các thông tin khác (nếu có).

MSB phải đảm bảo Cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới MSB của ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (nếu có).

5. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại khoản 2 Điều này. MSB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể

⁷³ Điều 51 Luật CTCTD 2010;

từ khi Đại hội đồng Cổ đông bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.

7. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát, MSB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên.⁷⁴
8. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bổ nhiệm.⁷⁵

Điều 39. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương⁷⁶

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương:
 - a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - e) Cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp Nhà nước trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MSB;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MSB;
 - g) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - h) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
 - i) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy

⁷⁴ Điều 51 Luật CTCTD 2010;

⁷⁵ Khoản 1 Điều 48, Điều 51 Luật CTCTD 2010

⁷⁶ Khoản 1 Điều 33 Luật CTCTD 2010 và Điều 17 Luật DN 2020

phép thành lập và hoạt động;

- j) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của MSB;
 - k) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được là Tổng Giám đốc của MSB;
 - l) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với các hành vi vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng;
 - m) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - n) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của MSB.⁷⁷

Điều 40. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ ⁷⁸

- 1. Thành viên Hội đồng Quản trị của MSB:
 - a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của MSB;
 - b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của MSB hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng đó;
 - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSB không được đồng thời là Người điều hành của MSB và của tổ chức tín dụng khác.
- 2. Thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành, nhân viên của MSB hoặc công ty con của MSB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của MSB là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là Cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại MSB;
 - c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.
- 3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của MSB;
 - b) Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các

⁷⁷ Khoản 3 Điều 33 Luật TCTD 2010

⁷⁸ Điều 34 Luật TCTD 2010

chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm⁷⁹

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên;
 - d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán⁸⁰;
 - e) Đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
 - d) Không phải là người có liên quan của Người quản lý MSB;
 - e) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
 - d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi

⁷⁹ Điều 50 Luật CTCTD 2010

⁸⁰ Khoản 1 Điều 50 Luật CTCTD 2017

nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương:

- a) Không thuộc đối tượng quy định dưới đây:
 - i. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
 - iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - iv. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - v. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
 - vi. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
 - vii. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này.
- b) Đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc thì phải là người không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này;
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
- d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 42. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập⁸¹

1. Không phải là người đang làm việc cho MSB hoặc công ty con của MSB hoặc đã làm việc cho MSB hoặc công ty con của MSB trong 03 năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của MSB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định.
3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của MSB, Người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của MSB hoặc công ty con của MSB.
4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MSB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MSB.
5. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của MSB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 43. Đương nhiên mất tư cách⁸²

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

⁸¹ Khoản 2 Điều 50 Luật CTCTD 2010

⁸² Khoản 1 Điều 35 Luật CTCTD

- b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của MSB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức;
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Khi MSB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Hội đồng Quản trị của MSB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
 3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MSB phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
 4. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 5. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên tạm thời giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm⁸³

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MSB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau: ⁸⁴
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của MSB;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Điều lệ này;
 - e) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập;
 - f) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc của MSB phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.⁸⁵
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm

⁸³ Điều 36 Luật CTCTD 2010;

⁸⁴ Khoản 1 Điều 36 Luật CTCTD 2010

⁸⁵ Khoản 2 Điều 36 Luật CTCTD 2010

đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị của MSB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.⁸⁶

4. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
5. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên tạm thời giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 45. Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp

1. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Điều lệ này và quy định của pháp luật, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của MSB để đảm bảo MSB hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, Giám sát và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh). Người được cử điều hành MSB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.
2. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.

Điều 46. Đình chỉ, tạm đình chỉ⁸⁷

1. Trường hợp MSB bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành của MSB nếu xét thấy cần thiết.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành của MSB có thể bị NHNN đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ nhiệm vụ, quyền hạn khi vi phạm quy định tại Điều 34 Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; NHNN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của MSB miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của MSB hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 47. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát⁸⁸.

1. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả và hiệu quả kinh doanh trong năm tài chính phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Tiền lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của MSB và phải báo cáo Đại hội đồng

⁸⁶ Khoản 3 Điều 36 Luật CTCTD 2010

⁸⁷ Điều 37 Luật CTCTD 2010

⁸⁸ Điều 163. Luật DN 2020

Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 48. Công khai các lợi ích liên quan⁸⁹

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của MSB phải công khai với MSB các thông tin sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
 - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của MSB. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
4. MSB phải thông báo bằng văn bản cho NHNN các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày MSB nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của MSB đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về MSB.

Điều 49. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành MSB⁹⁰

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ MSB, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của MSB và Cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của MSB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của MSB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của MSB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của MSB và Cổ đông.
4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của MSB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động MSB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của MSB.

⁸⁹ Điều 39 Luật CTCTD 2010; Điều 164 Luật DN 2020

⁹⁰ Điều 38 Luật CTCTD 2010

6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho MSB về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của MSB và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình được cấp tín dụng, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của MSB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của MSB.
8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi MSB bị lỗ.
9. Các nghĩa vụ khác do theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 50. Tránh xung đột quyền lợi

1. Việc cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc cấp tín dụng cho các cán bộ quản lý, điều hành và những người liên quan của họ và pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính phải tuân theo quy định của pháp luật.
2. Các hợp đồng của MSB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ; công ty con, công ty liên kết của MSB chỉ được ký kết, nếu bảo đảm thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% Vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (hoặc tỷ lệ thấp hơn quy định trong Điều lệ này) thì phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, các Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết;⁹¹
 - b) Đối với hợp đồng giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% Vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (hoặc tỷ lệ thấp hơn quy định trong Điều lệ này) thì phải được Hội đồng Quản trị thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.⁹²

Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, MSB phải thực hiện công bố thông tin về các quyết định này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin⁹³.

3. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho MSB phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho MSB các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng đó.
4. Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - a) Các giao dịch giữa MSB với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - b) Các giao dịch giữa MSB với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
5. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, MSB phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. MSB áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn

⁹¹ Điểm q khoản 2 Điều 59 Luật CTCTD 2010

⁹² Khoản 10 Điều 63 Luật CTCTD 2010

⁹³ Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

ngừa thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác của MSB, Cổ đông và những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của MSB, gây tổn hại cho lợi ích của MSB thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của MSB. MSB áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa Cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của MSB, tuân thủ các quy định về giao dịch với Cổ đông, Người quản lý MSB và người có liên quan của các đối tượng này; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến MSB⁹⁴.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của MSB hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.⁹⁵
7. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.⁹⁶

Điều 51. Trách nhiệm và bồi thường

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường cho những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

CHƯƠNG IX

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 52. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị⁹⁷

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của MSB, có toàn quyền nhân danh MSB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành MSB.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của MSB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu là 05 thành viên thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, MSB phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội

⁹⁴ Điểm b khoản 6 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019, Điều 292 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

⁹⁵ Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

⁹⁶ Điều 292 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

⁹⁷ Điều 43, Điều 62 Luật CTCTD 2010

đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
7. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của MSB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
8. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
9. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.
10. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị MSB. Người phụ trách quản trị MSB có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị⁹⁸

1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị, Người phụ trách quản trị MSB và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ của MSB.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Cử người đại diện vốn góp của MSB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MSB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MSB quy định tại điểm o khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này.
9. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của MSB trở lên, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này.
10. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

⁹⁸ Điều 63 Luật CTCTD 2010 và Khoản 2 và Khoản 3 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

11. Phê duyệt kế hoạch vốn theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
12. Thông qua các hợp đồng của MSB với công ty con, công ty liên kết của MSB; các hợp đồng của MSB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
14. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của MSB phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.
15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của MSB.
16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
17. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
18. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của MSB.
21. Quyết định mua lại cổ phần của MSB.
22. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến mức bồi thường thiệt hại phù hợp với quy định pháp luật.
23. Lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của MSB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính⁹⁹.
24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
25. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
26. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
27. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
28. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến MSB.
29. Đảm bảo hoạt động của MSB tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của MSB.
30. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công thường xuyên và/hoặc theo vụ việc của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật (nếu có).

⁹⁹ Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 39/2011/TT-NHNN

Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị¹⁰⁰

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
6. Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 55. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị¹⁰¹

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của MSB và Cổ đông.
2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành MSB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường.
4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
5. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
7. Có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của MSB và của các đơn vị trong MSB.
8. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của MSB.
9. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng Quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các

¹⁰⁰ Điều 64 Luật CTCTD 2010

¹⁰¹ Điều 65 Luật CTCTD 2010

công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của MSB (nếu có).

10. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của MSB theo quy định của pháp luật.
11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Hội đồng Quản trị¹⁰²

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của MSB hoặc ở nơi khác.
 - a) Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần kể cả dưới hình thức họp trực tuyến hoặc các hình thức khác mà pháp luật cho phép.
 - b) Cuộc họp bất thường của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết.
 - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;
 - ii. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
 - iii. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
3. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MSB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
4. MSB có quyền ban hành quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, email hoặc phương thức điện tử, phương

¹⁰²Điều 157 Luật DN 2020 và Khoản 2 Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại MSB.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Trường hợp không trực tiếp dự họp vì lý do bất khả kháng, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền dự họp và biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận đồng thời vẫn đảm bảo có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản bao gồm cả việc gửi qua fax, email, phương thức điện tử hoặc phương tiện khác. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ dự kiến khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.

8. Biểu quyết:

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của MSB;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với MSB và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi

ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

9. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp.
10. Quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong văn bản liên quan.
11. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với quyết định đã được thông qua thì quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.
12. Trường hợp quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ này gây thiệt hại cho MSB thì các thành viên Hội đồng Quản trị tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho MSB; thành viên Hội đồng Quản trị phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của MSB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ quyết định nói trên¹⁰³.
13. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 57. Biên bản họp Hội đồng Quản trị¹⁰⁴

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của MSB;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các quyết định đã được thông qua;
 - i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
2. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, Thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại

¹⁰³ Khoản 4 Điều 153 Luật DN 2020

¹⁰⁴ Điều 158 Luật DN 2020

xảy ra đối với MSB do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật, Điều lệ MSB và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, Thư ký và những người ký tên trên biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
5. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
6. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của MSB.
7. Thư ký Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó.

Điều 58. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của MSB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên của thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về MSB;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về MSB theo quy định của MSB.
5. Thư ký Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của MSB;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

- e) Họ, tên, chữ ký của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, Thư ký.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB.
 9. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu đạt được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 11. Ngoài các trường hợp lấy ý kiến như trên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, theo quyết định của Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền, việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT có thể thông qua phần mềm quản lý văn bản nội bộ hoặc phương thức điện tử khác.

CHƯƠNG X TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 59. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc¹⁰⁵

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MSB, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho MSB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho MSB.
2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động có thời hạn quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Bộ luật lao động, quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.
5. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của MSB theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
6. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của

¹⁰⁵ Điều 162 Luật DN 2020

MSB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc¹⁰⁶

1. Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của MSB.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
6. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của MSB.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
8. Phê duyệt kế hoạch cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới.
9. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của MSB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
10. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của MSB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
12. Ký kết hợp đồng nhân danh MSB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của MSB.
13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của MSB.
14. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền.
15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG XI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 61. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát¹⁰⁷

1. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của MSB có từ 03 đến 05 thành viên trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách và phải thường trú ở Việt Nam¹⁰⁸; không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại MSB hoặc doanh nghiệp khác.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn

¹⁰⁶ Điều 49 Luật CTCTD 2010; Điều 162 Luật DN 2020

¹⁰⁷ Điều 44 Luật CTCTD 2010

¹⁰⁸ Khoản 2 Điều 168 Luật DN 2020

lực của MSB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, MSB phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát.
6. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên dự họp. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát¹⁰⁹

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ MSB trong quản trị, điều hành MSB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành MSB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của MSB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của MSB khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành MSB có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
7. Lập danh sách Cổ đông sáng lập, Cổ đông lớn, những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MSB, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

¹⁰⁹ Điều 45 Luật CTCTD 2010

8. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ MSB và quy định của pháp luật.
9. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 63. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát¹¹⁰

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 62 Điều lệ này.
2. Triệu tập, chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 64. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát¹¹¹

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ MSB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của MSB và Cổ đông.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của MSB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá

¹¹⁰ Điều 46 Luật CTCTD 2010

¹¹¹ Điều 47 Luật CTCTD 2010

nhân về đánh giá và kết luận của mình.

7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 65. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát¹¹²

1. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Các quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do MSB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của MSB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của MSB làm việc trong giờ làm việc.
5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của MSB phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của MSB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG XII

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ¹¹³

MỤC 1

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 66. Bộ phận kiểm toán nội bộ¹¹⁴

1. Kiểm toán nội bộ của MSB được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát, thực hiện kiểm toán nội bộ MSB.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong MSB; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm MSB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc MSB.

Điều 67. Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ¹¹⁵

1. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có bằng đại học trở lên về ngành công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành phù hợp đối với kiểm toán viên công nghệ.

¹¹² Điều 171 Luật DN 2020

¹¹³ Luật CTCTD 2010.

¹¹⁴ Điều 41 Luật CTCTD 2010

¹¹⁵ Điều 66 Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Có kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên nội bộ và 03 năm đối với Trưởng kiểm toán nội bộ; có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên công nghệ.

MỤC 2

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 68. Hoạt động kiểm soát¹¹⁶

1. Hoạt động kiểm soát của MSB được thực hiện thông qua tối thiểu các nội dung sau đây:
 - a) Việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt phải căn cứ mức độ tin cậy của cấp có thẩm quyền và năng lực của cá nhân, bộ phận thực hiện. Thẩm quyền phê duyệt phải được thể hiện bằng các tiêu chí về quy mô giao dịch, hạn mức rủi ro và các giới hạn khác theo quy định nội bộ của MSB;
 - b) Việc quy định chức năng, nhiệm vụ của cá nhân, bộ phận từ cấp thấp nhất đến cấp cao nhất trong tất cả các giao dịch, quy trình nghiệp vụ tại MSB (bao gồm trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác) đảm bảo nguyên tắc:
 - i. Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc trừ trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị là Tổng Giám đốc;
 - ii. Phân tách chức năng, nhiệm vụ trong các giao dịch, quy trình nghiệp vụ để không xung đột lợi ích hoặc kiểm soát, ngăn chặn xung đột lợi ích; một cá nhân không chi phối toàn bộ một giao dịch, quy trình thực hiện giao dịch; một cá nhân không cùng lúc được giao các công việc có xung đột lợi ích;
 - iii. Có các cá nhân độc lập trong cùng bộ phận hoặc bộ phận độc lập với bộ phận khác để kiểm tra định kỳ và đột xuất theo quy định nội bộ MSB;
 - iv. Trường hợp việc thực hiện quy định tại các tiết b(ii) và b(iii) mà vẫn có nguy cơ xung đột lợi ích, xảy ra vi phạm quy định nội bộ MSB phải xác định nguyên nhân, có biện pháp để giảm thiểu tối đa rủi ro trong hoạt động và thực hiện theo dõi chặt chẽ, đánh giá độc lập với tần suất thường xuyên hơn.
 - c) Việc phân cấp trách nhiệm quản lý (bao gồm cả việc giao nhận, bảo quản, vận chuyển, kiểm tra, kiểm kê) của từng cá nhân, bộ phận đối với tài sản (bao gồm cả tài sản tài chính và tài sản hữu hình) phải dựa trên giá trị của tài sản hoặc giới hạn cụ thể khác theo quy định nội bộ của MSB;
 - d) Việc hạch toán kế toán tuân thủ đúng quy định về chuẩn mực và chế độ kế toán; tổng hợp, lập và gửi các loại báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của MSB. Việc hạch toán kế toán phải được kiểm tra, đối chiếu để đảm bảo phát hiện, xử lý kịp thời các sai sót và phải được báo cáo cho cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của MSB;
 - e) Có biện pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời đối với các sai phạm, hành vi vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ tại MSB (bao gồm trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác);
 - f) Phân bổ nguồn nhân lực phù hợp với từng hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát

¹¹⁶ Điều 15 Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(bao gồm cả nhân sự thay thế khi cán bộ, nhân viên vắng mặt, tuyển dụng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ).

2. Hoạt động kiểm soát của trụ sở chính của MSB đối với chi nhánh, đơn vị phụ thuộc khác phải đảm bảo:
 - a) Trụ sở chính giám sát, kiểm soát được các giao dịch, hoạt động của chi nhánh, đơn vị phụ thuộc khác, bao gồm cả việc giám sát, kiểm soát thông qua cá nhân, bộ phận thực hiện hoạt động kiểm soát tại chi nhánh, đơn vị phụ thuộc khác;
 - b) Có quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế báo cáo, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, luân chuyển cán bộ và cơ chế khác để đảm bảo tính độc lập, không xung đột lợi ích của cá nhân, bộ phận thực hiện hoạt động kiểm soát tại chi nhánh, đơn vị phụ thuộc đối với cá nhân, bộ phận khác của chi nhánh, đơn vị phụ thuộc;
 - c) Có cơ chế cho phép khách hàng tra soát, kiểm tra, đối chiếu giao dịch thực hiện tại chi nhánh, đơn vị phụ thuộc khác với trụ sở chính của MSB.
3. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban Kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) phải được Hội đồng Quản trị MSB ban hành đảm bảo nguyên tắc:
 - a) Cán bộ, nhân viên ở các cấp thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được giao một cách trung thực vì lợi ích của MSB; không lợi dụng địa vị, chức vụ, sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh và tài sản của MSB để thu lợi cá nhân hoặc làm tổn hại tới lợi ích của MSB;
 - b) Các cá nhân, bộ phận có trách nhiệm báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền khi phát hiện hành vi quy định tại điểm a khoản này và các hành vi vi phạm quy định nội bộ, quy định của pháp luật.
4. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, MSB có báo cáo nội bộ về kiểm soát nội bộ gửi các cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của MSB. Báo cáo nội bộ về kiểm soát nội bộ bao gồm đánh giá về hoạt động kiểm soát theo nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và nội dung khác theo quy định nội bộ của MSB.

Điều 69. Yêu cầu của kiểm soát nội bộ¹¹⁷

1. Kiểm soát nội bộ được thực hiện đối với tất cả hoạt động, quy trình nghiệp vụ, các bộ phận tại MSB (bao gồm trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác) nhằm đảm bảo các yêu cầu sau đây:
 - a) Các hoạt động của MSB tuân thủ quy định của pháp luật;
 - b) Kiểm soát xung đột lợi ích; phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm;
 - c) Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cá nhân, bộ phận đối với kiểm soát nội bộ để xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát của MSB.
2. Kiểm soát nội bộ được thực hiện thông qua hoạt động kiểm soát, cơ chế trao đổi thông tin và hệ thống thông tin quản lý.

¹¹⁷ Điều 14 Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

CHƯƠNG XIII

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, BÁO CÁO, THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 70. Chế độ tài chính¹¹⁸

Chế độ tài chính của MSB được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Năm tài chính¹¹⁹

Năm tài chính của MSB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 72. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán MSB sử dụng là Hệ thống Kế toán được Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.
2. MSB lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. MSB sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà MSB tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của MSB.
3. MSB sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 73. Báo cáo¹²⁰

1. MSB phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của MSB chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
2. MSB có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:
 - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của MSB;
 - b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của MSB;
 - c) Thay đổi tên chi nhánh của MSB; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
3. Công ty con, công ty liên kết của MSB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, MSB phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Công khai thông tin¹²¹

1. MSB phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan (cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán, Cơ quan đăng ký kinh doanh...).
2. MSB phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:
 - a) Điều lệ;

¹¹⁸ Điều 136 Luật CTCTD 2010

¹¹⁹ Điều 137 Luật CTCTD 2010

¹²⁰ Điều 141 Luật CTCTD 2010

¹²¹ Điều 176 Luật DN 2020

- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
 - c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
3. MSB phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi MSB có trụ sở chính chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.
 4. MSB thực hiện công bố, công khai hóa thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 75. Thông tin¹²²

1. MSB phải cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản tại MSB theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. MSB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của MSB.
3. MSB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với MSB theo quy định của NHNN.
4. MSB có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Điều 120 của Luật Chứng khoán năm 2019 và các quy định khác có liên quan của pháp luật đối với Công ty niêm yết.

Điều 76. Bảo mật thông tin¹²³

1. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của MSB và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của MSB.
2. MSB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại MSB.
3. MSB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch khác của khách hàng tại MSB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XIV

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 77. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của MSB danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của (nhóm) Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ của (nhóm) Cổ đông mà người đó đại diện.

¹²² Điều 13 Luật CTCTD 2010

¹²³ Điều 14 Luật CTCTD 2010

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của MSB, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của MSB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. MSB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

Điều lệ này được công bố trên website của MSB.

CHƯƠNG XV

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 78. Người lao động và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho nghỉ việc, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của MSB với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của MSB và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 79. Trả cổ tức¹²⁴

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của MSB. MSB chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi MSB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ MSB và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, MSB vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của MSB nếu được Đại hội cổ đông cổ đông chấp thuận.
4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, MSB sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp thẻ có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải

¹²⁴ Điều 135 Luật DN 2020;

chịu.

6. Cổ tức được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi MSB đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu MSB đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì MSB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
7. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức. MSB phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị có thể thông qua quyết định quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của MSB. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
9. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính của MSB; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của MSB.
10. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ MSB.
11. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

Điều 80. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 81. Kiểm toán độc lập¹²⁵

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, MSB phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, MSB phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. MSB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.

CHƯƠNG XVIII CON DẤU

Điều 82. Con dấu¹²⁶

1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định loại, số lượng, nội dung và hình thức con dấu của MSB, bao gồm cả con dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành quy định quản lý và sử dụng con dấu phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của MSB chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu của MSB theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX PHÁ SẢN, GIẢI THỂ THANH LÝ MỤC 1 PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ¹²⁷

Điều 83. Phá sản ngân hàng

1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà MSB vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì MSB phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Việc phá sản MSB được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 84. Các trường hợp giải thể ngân hàng¹²⁸

1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
2. Hết thời hạn hoạt động nhưng không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

¹²⁵ Điều 42 Luật CTCTD 2010

¹²⁷ Mục 2 Chương VIII Luật CTCTD 2010

¹²⁸ Điều 154 Luật CTCTD 2010

3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 85. Thanh lý tài sản của ngân hàng

1. Trong trường hợp ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý MSB được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 84 Điều lệ này, MSB phải tiến hành thanh lý dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNN quy định.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản do MSB ưu tiên thanh toán.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 86. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của MSB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a) Cổ đông với MSB; hoặc
 - b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của MSB.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong thời hạn 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Trọng tài, Toà án sẽ do Trọng tài, Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

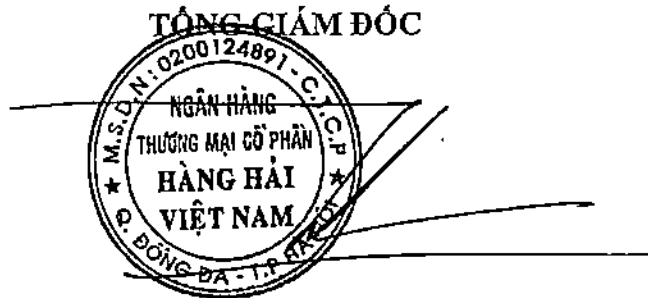
Điều 87. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của MSB chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của MSB.

Điều 88. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2023.
2. Điều lệ được lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan chức năng khác và được lưu trữ tại Trụ sở chính MSB.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM *M*



NGUYỄN HOÀNG LINH

MỤC LỤC

Điều 1.	Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ.....	2
Điều 2.	Áp dụng dẫn chiếu.....	5
Điều 3.	Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động.....	5
Điều 4.	Mục tiêu hoạt động.....	7
Điều 5.	Nội dung hoạt động.....	7
Điều 6.	Góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn.....	9
Điều 7.	Bảo đảm an toàn trong hoạt động.....	9
Điều 8.	Vốn điều lệ của MSB.....	10
Điều 9.	Thay đổi Vốn điều lệ.....	10
Điều 10.	Bảo đảm an toàn vốn.....	10
Điều 11.	Các loại cổ phần.....	11
Điều 12.	Tỷ lệ sở hữu cổ phần.....	11
Điều 13.	Cổ phiếu.....	11
Điều 14.	Chào bán cổ phần.....	11
Điều 15.	Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 16.	Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông.....	12
Điều 17.	Mua lại cổ phần theo quyết định của MSB.....	12
Điều 18.	Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	13
Điều 19.	Phát hành trái phiếu.....	13
Điều 20.	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	13
Điều 21.	Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông.....	14
Điều 22.	Quyền của Cổ đông.....	15
Điều 23.	Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông MSB.....	17
Điều 24.	Đại hội đồng Cổ đông.....	18
Điều 25.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.....	20
Điều 26.	Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	21
Điều 27.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông.....	21
Điều 28.	Mời họp Đại hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 29.	Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 30.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	23
Điều 31.	Thế thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	23
Điều 32.	Thế thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	25
Điều 33.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	26
Điều 34.	Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	28
Điều 35.	Hiệu lực quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	28

Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	29
Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn chung.....	29
Điều 38. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc	30
Điều 39. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương .	31
Điều 40. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	32
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm.....	33
Điều 42. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị	34
Điều 43. Đương nhiên mất tư cách	34
Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	35
Điều 45. Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp	36
Điều 46. Đình chỉ, tạm đình chỉ.....	36
Điều 47. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.	36
Điều 48. Công khai các lợi ích liên quan	37
Điều 49. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành MSB.....	37
Điều 50. Tránh xung đột quyền lợi.....	38
Điều 51. Trách nhiệm và bồi thường.....	39
Điều 52. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị.....	39
Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị.....	40
Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	42
Điều 55. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	42
Điều 56. Hợp Hội đồng Quản trị.....	43
Điều 57. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	45
Điều 58. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản	46
Điều 59. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc	47
Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	48
Điều 61. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát	48
Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	49
Điều 63. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát	50
Điều 64. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát	50
Điều 65. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	51
Điều 66. Bộ phận kiểm toán nội bộ.....	51
Điều 67. Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ.....	51
Điều 68. Hoạt động kiểm soát	52
Điều 69. Yêu cầu của kiểm soát nội bộ.....	52

Điều 70. Chế độ tài chính.....	54
Điều 71. Năm tài chính	54
Điều 72. Hệ thống kế toán	54
Điều 73. Báo cáo	54
Điều 74. Công khai thông tin.....	54
Điều 75. Thông tin	55
Điều 76. Bảo mật thông tin.....	55
Điều 77. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	55
Điều 78. Người lao động và công đoàn	56
Điều 79. Trả cổ tức.....	56
Điều 80. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	57
Điều 81. Kiểm toán độc lập	58
Điều 82. Con dấu.....	58
Điều 83. Phá sản ngân hàng	58
Điều 84. Các trường hợp giải thể ngân hàng.....	58
Điều 85. Thanh lý tài sản của ngân hàng.....	59
Điều 86. Giải quyết tranh chấp nội bộ	59
Điều 87. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	59
Điều 88. Điều khoản thi hành.....	60